

**MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN VỀ TỘI SỬ DỤNG MẠNG MÁY TÍNH,
MẠNG VIỄN THÔNG, PHƯƠNG TIỆN ĐIỆN TỬ THỰC HIỆN HÀNH VI
CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN**

TRẦN XUÂN THIÊN AN*

MAI THỊ THỦY**

Ngày nhận bài: 10/4/2026

Ngày phản biện: 11/5/2026

Ngày đăng bài: 25/6/2026

Tóm tắt:

Trong phạm vi bài viết, nhóm tác giả phân tích một số hạn chế trong quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025) (BLHS năm 2015) về Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (Điều 290 BLHS năm 2015) trên không gian mạng. Từ đó, bài viết đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội phạm này.

Từ khóa:

Điều 290 BLHS năm 2015, chiếm đoạt tài sản trên mạng, tội phạm công nghệ cao, hoàn thiện pháp luật.

Abstract:

This article analyzes the shortcomings in the provisions of the 2015 Criminal Code (as amended and supplemented in 2017, 2024, and 2025) (“the 2015 Criminal Code”) concerning the offence of using computer networks, telecommunications networks, or electronic means to commit acts of property appropriation under Article 290 of the 2015 Criminal Code in cyberspace. On that basis, the article proposes several recommendations for improving the relevant provisions of Vietnamese criminal law concerning this offence.

Keywords:

Article 290 of the 2015 Penal Code, cyber-based property appropriation, high-tech crimes, legal framework improvement.

* TS.GVC, Khoa Luật và Khoa học chính trị - Trường Đại học Công nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh; Email: tranxuanthienan2025@gmail.com

** TS.GVC, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh; Email: mtthuy@hcmulaw.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã góp phần quan trọng tạo ra những thay đổi to lớn về đời sống, kinh tế - xã hội, những thay đổi này đã thúc đẩy sự hình thành và phát triển của mạng máy tính, mạng viễn thông kết hợp với nền tảng công nghệ số, qua đó góp phần tối ưu hóa quy trình, phương thức sản xuất và được ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực của đời sống hiện nay. Tuy nhiên, cùng với những lợi ích to lớn mà mạng máy tính, mạng viễn thông mang lại thì tình hình tội phạm trên không gian mạng, điển hình là Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (Điều 290 BLHS năm 2015) đang diễn biến ngày càng phức tạp, gây thiệt hại nghiêm trọng về kinh tế, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Theo thống kê của Bộ Công an, từ năm 2022 đến năm 2025 trên phạm vi toàn quốc xảy ra khoảng 17.200 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng với hàng trăm nghìn nạn nhân¹, chưa kể đến các hình thức chiếm đoạt tài sản khác thông qua môi trường mạng. Tài sản bị chiếm đoạt không còn chỉ là tiền hoặc vật hữu hình theo nghĩa truyền thống mà còn có thể là tiền trong tài khoản thanh toán, quyền kiểm soát tài khoản số, tài sản ảo, tài sản mã hóa hoặc các giá trị tài sản phát sinh trong môi trường điện tử². Thực tiễn này đặt ra yêu cầu phải đánh giá lại tính khả thi của Điều 290 BLHS năm 2015.

Tình hình nghiên cứu hiện nay cho thấy, các công trình về Điều 290 BLHS năm 2015 chủ yếu tập trung vào dấu hiệu pháp lý của tội phạm, phân biệt tội danh này với các tội xâm phạm sở hữu hoặc phân tích một số phương thức, thủ đoạn phạm tội trên không gian mạng. Một số nghiên cứu đã đề cập đến vấn đề định tội danh đối với hành vi chiếm đoạt tiền trong tài khoản ngân hàng, ví điện tử hoặc hành vi lừa đảo thông qua mạng xã hội. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chưa xử lý đầy đủ ba vấn đề còn đang tồn tại trong bối cảnh hiện nay như: vị trí pháp lý của tài sản số với tư cách là đối tượng bị chiếm đoạt; quan hệ giữa cấu thành tội phạm tại Điều 290, Điều 173, Điều 174 BLHS năm 2015 trong trường hợp cạnh tranh quy phạm và mức độ tương xứng của hình phạt đối với tội phạm chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng. Đây chính là khoảng trống nghiên cứu mà bài viết hướng đến bổ sung.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết chủ yếu sử dụng phương pháp nghiên cứu các tài liệu thứ cấp liên quan đến việc thu thập thông tin từ các nguồn tài liệu đã được công bố dưới nhiều hình thức

¹ Anh Thor, “Tội phạm mạng gây thiệt hại gần 40.000 tỷ đồng giai đoạn 2020-2025” truy cập tại <https://baochinhphu.vn/toi-pham-mang-gay-thiet-hai-gan-40000-ty-dong-giai-doan-2020-2025-102251229175200352.htm>, truy cập ngày 22/3/2026.

² United Nations Office on Drugs and Crime (UNODC), *Cryptocurrency Investigations and Asset Recovery*, 2024.

khác nhau như: sách, bài báo, bản án, giáo trình, các quy định của Luật và các nguồn thông tin trực tuyến. Với phương pháp này, nghiên cứu tổng hợp và phân tích nhằm đưa ra nhận định, kết luận và tìm hiểu sâu hơn về một số bất cập của Điều 290 BLHS năm 2015, từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật hình sự Việt Nam, góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh, phòng chống loại tội phạm này.

3. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

Bài viết được triển khai trên cơ sở ba câu hỏi nghiên cứu chính. *Câu hỏi thứ nhất*: Trong bối cảnh pháp luật Việt Nam đã luật hóa tài sản số, việc xác định đối tượng tác động của Điều 290 BLHS năm 2015 cần được hiểu và hoàn thiện như thế nào? *Câu hỏi thứ hai*: Quy định loại trừ Điều 173 và Điều 174 tại khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015 có phù hợp với lý luận định tội danh và nguyên tắc xử lý quan hệ giữa quy phạm chung với quy phạm riêng hay không? *Câu hỏi thứ ba*: Khung hình phạt hiện hành của Điều 290 BLHS năm 2015 có bảo đảm tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội trên không gian mạng hay không?

Giả thuyết nghiên cứu của bài viết là: Điều 290 BLHS năm 2015 chưa bao quát đầy đủ sự phát triển của tài sản số và chưa thể hiện thật sự rõ ràng quan hệ giữa tội phạm chiếm đoạt tài sản truyền thống với tội phạm chiếm đoạt tài sản được thực hiện bằng phương tiện công nghệ. Do đó, để nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm trên không gian mạng, cần hoàn thiện đồng bộ Điều 290 BLHS năm 2015, Điều 105 Bộ luật Dân sự BLDS năm 2015 (BLDS năm 2015) và các quy định liên quan đến tài sản số, đồng thời điều chỉnh lại kỹ thuật lập pháp và chính sách hình phạt đối với tội phạm này.

4. Một số bất cập về Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trong quy định của Bộ luật hình sự năm 2015

Thứ nhất, về đối tượng tác động của Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

Đối tượng tác động của Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là tài sản; tài sản bao gồm tiền, vật, giấy tờ có giá³. Tuy nhiên, Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025 có hiệu lực vào ngày 01/01/2026, có quy định về *tài sản số*, tức là, tài sản số lần đầu tiên được luật hóa tại Việt Nam, đây là một trong những điểm nhấn nổi bật của Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025.

³ Điều 105 BLDS năm 2015.

Tại Điều 46 Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025⁴ quy định: “*Tài sản số được hiểu là tài sản theo quy định của BLDS, được thể hiện dưới dạng dữ liệu số, được tạo lập, phát hành, lưu trữ, chuyển giao và xác thực bởi công nghệ số trên môi trường điện tử*”. Tài sản số bao gồm⁵:

- *Tài sản ảo* trên môi trường điện tử là một loại tài sản số có thể được dùng cho mục đích trao đổi hoặc đầu tư. Tài sản ảo không bao gồm chứng khoán, các dạng số của tiền pháp định và tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật về dân sự, tài chính.

- *Tài sản mã hóa* là một loại tài sản số sử dụng công nghệ mã hóa hoặc công nghệ số có chức năng tương tự để xác thực đối với tài sản trong quá trình tạo lập, phát hành, lưu trữ, chuyển giao. Tài sản mã hóa không bao gồm chứng khoán, các dạng số của tiền pháp định và tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật về dân sự; tài chính.

- *Tài sản số khác*: Việc quy định thêm tài sản số trong Luật công nghiệp công nghệ số năm 2025 tất yếu sẽ dẫn đến yêu cầu cần sửa đổi, bổ sung các luật có liên quan, trong đó có quy định về tài sản trong BLDS năm 2015. Tuy nhiên, hiện nay BLDS năm 2015 chưa có quy định tài sản số là một trong các loại tài sản, vì vậy tài sản số cũng chưa được coi là đối tượng tác động của Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Do đó, trong trường hợp đối tượng bị chiếm đoạt là tài sản mã hóa, tài khoản chứa vật phẩm số, token, tài sản trong trò chơi trực tuyến hoặc bitcoin, việc xác định đây có phải là tài sản theo nghĩa của pháp luật dân sự và hình sự hay không vẫn có thể phát sinh tranh luận. Nếu pháp luật không quy định rõ địa vị pháp lý của tài sản số, thì quá trình điều tra, truy tố và xét xử có thể gặp khó khăn trong việc xác định thiệt hại, định giá tài sản, chứng minh yếu tố chiếm đoạt và áp dụng điều luật tương ứng.

Thứ hai, bất cập trong quy định loại trừ Tội trộm cắp tài sản (Điều 173 BLHS) và Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174 BLHS) tại khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015.

Khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015 quy định loại trừ một số tội phạm trước khi áp dụng tội phạm tại Điều 290 BLHS, cụ thể: “*Người nào sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử thực hiện một trong những hành vi sau đây, nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 173 và Điều 174 của Bộ luật này, thì...*”. Với cách quy định như vậy, hiện nay đang tồn tại những cách tiếp cận khác nhau về bản chất pháp lý của Điều 290 BLHS, chẳng hạn:

⁴ Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025, Luật số 71/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2025, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

⁵ Khoản 2 Điều 47 Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025.

Theo cách tiếp cận thứ nhất, cách quy định loại trừ như trên được xem là một “quy trình ngược”. Bởi vì, trong mối quan hệ giữa cấu thành tội phạm của Điều 290 và Điều 173, Điều 174 thì tội phạm tại Điều 173, Điều 174 BLHS là cấu thành chung, còn tội phạm tại Điều 290 BLHS là cấu thành riêng. Điều này xuất phát từ việc nhà làm luật đã bổ sung dấu hiệu “*sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” bên cạnh các dấu hiệu chiếm đoạt tài sản thông thường của Tội trộm cắp tài sản (Điều 173 BLHS) hoặc Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174 BLHS) nhằm hình thành cấu thành tội phạm riêng tại Điều 290 BLHS. Vì vậy, khi tồn tại sự cạnh tranh giữa cấu thành tội phạm chung và cấu thành tội phạm riêng, thì nguyên tắc là phải ưu tiên áp dụng cấu thành riêng để định tội danh⁶. Do đó, việc quy định loại trừ Điều 173, Điều 174 BLHS trước khi áp dụng Điều 290 BLHS là cách tiếp cận theo chiều ngược, không bảo đảm sự thống nhất với các quy định khác về quan hệ giữa quy phạm chung và quy phạm riêng trong BLHS, đồng thời cũng không phù hợp với lý luận định tội danh trong trường hợp có sự cạnh tranh giữa các quy phạm này.

Theo cách tiếp cận thứ hai, Điều 290 BLHS là tội phạm có tính độc lập tương đối. Ngoài việc xâm phạm quyền sở hữu tài sản, tội phạm này còn xâm phạm đến an toàn công cộng trong lĩnh vực công nghệ thông tin và mạng viễn thông. Việc nhà làm luật quy định Điều 290 trong Chương XXI BLHS cho thấy khách thể bảo vệ của điều luật không chỉ giới hạn ở quan hệ sở hữu tài sản⁷.

Theo cách tiếp cận thứ ba, xuất phát từ chính câu chữ hiện hành của khoản 1 Điều 290 BLHS. Theo đó, vì điều luật đang quy định “nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 173 và Điều 174”, nên trong trường hợp hành vi đã thỏa mãn đầy đủ dấu hiệu của Tội trộm cắp tài sản hoặc Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cơ quan tiến hành tố tụng có thể ưu tiên áp dụng Điều 173 hoặc Điều 174. Cách hiểu này có ưu điểm là bám sát văn bản hiện hành, nhưng lại làm phát sinh câu hỏi về kỹ thuật lập pháp: nếu hành vi sử dụng phương tiện điện tử chính là dấu hiệu làm tăng tính nguy hiểm và làm thay đổi khách thể bị xâm phạm, thì việc đặt Điều 173, Điều 174 ở vị trí loại trừ trước Điều 290 có thể khiến việc áp dụng Điều 290 bị thu hẹp.

Tác giả cho rằng Điều 290 BLHS vừa mang những đặc điểm của quy phạm riêng trong quan hệ với các tội chiếm đoạt tài sản, vừa thể hiện tính độc lập nhất định về

⁶ Võ Khánh Vinh (2018), *Giáo trình Lý luận chung về định tội danh (Tái bản lần thứ hai)*, NXB Đại học Huế, tr.197-199.

⁷ Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2021), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam - Phần Các tội phạm (Quyển 2) (Tái bản lần thứ nhất, có sửa đổi, bổ sung)*, NXB Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam.

khách thể bảo vệ. Chính điều này là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các cách tiếp cận khác nhau trong thực tiễn định tội danh đối với hành vi chiếm đoạt tài sản được thực hiện thông qua môi trường mạng.

Việc quy định như trên dẫn đến sự không thống nhất về tội danh giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Diễn hình:

Vụ án thứ nhất: Giữa bị cáo Trần N và bị hại Ngải Ng có mối quan hệ bạn bè, do đó Ngải Ng nhiều lần nhờ Trần N cài đặt ứng dụng trên điện thoại của Ngải Ng, do vậy Trần N biết được mật khẩu điện thoại và biết điện thoại của Ngải Ng có ứng dụng ví điện tử MoMo (ví điện tử MoMo là một ứng dụng tài chính cho phép chuyển, nhận tiền, thanh toán dịch vụ trực tuyến và trực tiếp thông qua việc liên kết với tài khoản tài chính được đăng ký tại ngân hàng hoặc tổ chức tài chính khác), trong tài khoản có nhiều tiền nên Trần N nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền trong tài khoản MoMo của Ngải Ng. Ngày 18/10/2021 và ngày 20/10/2021, Trần N dùng điện thoại của Ngải Ng mở ứng dụng ví điện tử MoMo rồi đăng nhập mật khẩu của ứng dụng (mật khẩu này do Trần N nhìn thấy Ngải Ng đã nhập trước đó) và thực hiện chuyển tiền từ tài khoản ứng dụng MoMo của Ngải Ng vào số tài khoản số 15716xxx thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần A cho chủ tài khoản tên “TRAN PH” số tiền 5.000.000 đồng và số tài khoản 1014415xxx thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ng Việt Nam cho chủ tài khoản tên “HOANG TH” số tiền 19.000.000 đồng. Sau đó, Trần N thực hiện thao tác rút tiền từ các tài khoản này về tài khoản số 700007880xxx của Trần N tại Ngân hàng SH để chiếm đoạt số tiền 24.000.000 đồng⁸.

Trong quá trình giải quyết vụ án, có hai quan điểm về định tội danh cho Trần N, cụ thể:

Quan điểm 1: Hành vi của Trần N phạm Tội trộm cắp tài sản (Điều 173 BLHS), bởi vì Trần N đã có hành vi lén lút lấy tiền của Ngải Ng (và lấy được tiền thông qua ví điện tử MoMo), đây là dấu hiệu đặc trưng của Tội trộm cắp tài sản.

Quan điểm 2: Hành vi của Trần N phạm Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (Điều 290 BLHS), bởi vì Trần N đã sử dụng phương tiện điện tử, truy cập bất hợp pháp vào tài khoản cá nhân (tài khoản ví điện tử) của Ngải Ng và thực hiện thao tác chuyển tiền trên hệ thống điện tử để chiếm đoạt tài sản, cụ thể là Trần N thực hiện các thao tác chuyển tiền từ tài khoản của Ngải Ng sang các tài khoản khác, sau đó rút từ tài khoản khác về tài khoản của Trần N để chiếm đoạt 24.000.000 đồng.

⁸ Bản án số 05/2023/HS-PT ngày 10/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Quan điểm của tác giả: Tác giả đồng ý với quan điểm Trần N phạm tội theo Điều 290 BLHS. Bởi vì, trong vụ án này yếu tố lén lút chỉ phản ánh một phần phương thức chiếm đoạt, còn yếu tố quyết định làm cho hành vi có thể được thực hiện trên thực tế là việc Trần N đã sử dụng phương tiện điện tử và hệ thống tài khoản số. Tài sản không bị lấy đi bằng phương thức truyền thống thông thường mà bị chuyển dịch thông qua thao tác điện tử trên nền tảng ví điện tử. Hành vi chiếm đoạt vì vậy gắn chặt với môi trường công nghệ và gây nguy hiểm cho an toàn của hệ thống giao dịch điện tử. Từ những cơ sở trên, tác giả cho rằng việc áp dụng Điều 290 BLHS đối với hành vi của Trần N phù hợp hơn với bản chất pháp lý của hành vi và phù hợp với nguyên tắc ưu tiên áp dụng quy phạm riêng trong trường hợp có sự cạnh tranh giữa các cấu thành tội phạm.

Vụ án thứ hai: Do trước đó Phan Chí T bán hàng qua mạng Internet, nhưng bị một số đối tượng lừa đảo chiếm đoạt hết tiền, nên T có ý định lừa đảo để lấy lại tiền. Để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Phan Chí T đã đăng nhập vào trang “Google Adsense VietNam” tìm mua các tài khoản Facebook kinh doanh mua bán túi xách, ba lô... của các nhãn hàng nổi tiếng thế giới, có lượng người truy cập cao. Sau khi mua tài khoản Facebook, T sử dụng các hình ảnh đã đăng tải sẵn có và dùng điện thoại tải hình ảnh sản phẩm các thương hiệu nổi tiếng như Gucci, Chanel... về để đăng bán trên các trang Facebook này với giá rẻ hơn giá thị trường. Khi có người hỏi mua, T và người mua hàng nhắn tin trao đổi thông tin liên quan đến sản phẩm trên các tài khoản Facebook mà T đã mua trước đó và thống nhất giá bán. Khi có người đồng ý mua hàng, thì T yêu cầu chuyển tiền trước, gửi hàng sau, nhưng thực tế T không có hàng để bán. Do đó, khi nhận được tiền, T liền chặn Facebook của người mua rồi sử dụng dịch vụ MobileBanking chuyển số tiền trên vào tài khoản Ngân hàng mang tên T hoặc mang tên người khác, do T nhờ đứng tên. Từ tháng 9/2017 đến tháng 4/2018, T đã thực hiện 8 vụ lừa đảo, chiếm đoạt 185.500.000 đồng. Sau đó, T sử dụng dịch vụ MobileBanking chuyển toàn bộ số tiền trên vào tài khoản Ngân hàng B1 của T rồi dùng thẻ ATM rút số tiền này để tiêu xài cá nhân⁹.

Trong quá trình giải quyết vụ án, có hai quan điểm về định tội danh cho Phan Chí T, cụ thể:

Quan điểm 1: Hành vi của Phan Chí T phạm tội theo Điều 174 BLHS, bởi vì ngay từ đầu T đã có ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, nên T đã sử dụng các phương thức, thủ đoạn gian dối làm cho bị hại tin tưởng và tự nguyện giao

⁹ Bản án số 108/2019/HS-PT ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng.

tài sản như: tìm mua các tài khoản Facebook kinh doanh mua bán túi xách, ba lô... của các nhãn hàng nổi tiếng thế giới, đăng bán các sản phẩm hàng hiệu không có thật, lập các thẻ ngân hàng do T mang tên hoặc T nhờ người khác đứng tên...

Quan điểm 2: Hành vi của Phan Chí T phạm tội theo Điều 290 BLHS. Tác giả đồng ý với quan điểm này. Bởi vì, tuy ngay từ đầu ý định của T là chiếm đoạt tài sản của người khác. Tuy nhiên, T đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua mạng Internet, mạng xã hội và dịch vụ ngân hàng điện tử, cụ thể là: Phan Chí T đã dùng điện thoại di động vào các trang mạng xã hội, tìm mua các tài khoản Ngân hàng, tài khoản Facebook, sao chép, tải hình ảnh một số sản phẩm, thời trang hàng hiệu như túi xách, ví da rồi đăng bán online trên nhiều tài khoản Facebook cá nhân bằng nhiều tên khác nhau. Trong thời gian ngắn, Phan Chí T đã sử dụng mạng xã hội để lừa đảo nhiều người, chiếm đoạt tổng số tiền 185.500.000 đồng. Hành vi lừa đảo của T thông qua mạng xã hội có thể được thực hiện hàng loạt, trong thời gian ngắn, với nhiều bị hại ở nhiều địa phương khác nhau. Đây chính là đặc điểm làm cho hành vi có tính nguy hiểm cao hơn so với hành vi lừa đảo thông thường. Vì vậy, áp dụng Điều 290 đối với hành vi của T sẽ phản ánh đầy đủ hơn bản chất của tội phạm.

Thứ ba, về hình phạt của Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

Theo quy định của BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), “Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” được quy định tại Điều 226b. Về hình phạt chính, Điều 226b BLHS năm 1999 cũng quy định 4 khung hình phạt giống Điều 290 BLHS năm 2015. Tuy nhiên, tại khoản 4 Điều 226b có quy định hình phạt tù chung thân còn khoản 4 Điều 290 BLHS năm 2015 đã bỏ hình phạt tù chung thân. Việc, bỏ hình phạt tù chung thân trong Điều 290 BLHS năm 2015 là xuất phát từ chính sách nhân đạo trong pháp luật hình sự và hạn chế áp dụng hình phạt nghiêm khắc. Tuy nhiên, trong bối cảnh tội phạm công nghệ cao gia tăng nhanh chóng, cần đánh giá lại tính hợp lý của chính sách này, bởi vì so với thời điểm BLHS năm 1999, môi trường số hiện nay đã phát triển nhanh hơn rất nhiều. Theo Bộ Công an, chỉ tính riêng trong vòng 5 năm trở lại đây, Việt Nam đã xảy ra hơn 24.000 vụ lừa đảo qua mạng với các thủ đoạn tinh vi, đánh đúng tâm lý nạn nhân, gây thiệt hại gần 40.000 tỷ đồng. Trong 8 tháng đầu năm 2025, cả nước ghi nhận hơn 1.500 vụ lừa đảo qua mạng, tăng 65% so với cùng kỳ năm 2024, gây thiệt hại hơn 1.660 tỷ đồng. Hơn 4.000 tên miền độc hại bị phát hiện với các thủ đoạn tinh vi như: Công nghệ giả mạo hình ảnh Deepfake, lừa đảo qua tiền ảo, chiếm

đoạt mã OTP, giả danh cơ quan công an hoặc ngân hàng...¹⁰ tội phạm có thể sử dụng mạng xã hội, ví điện tử, ngân hàng số, tài khoản giả mạo, phần mềm độc hại hoặc dữ liệu cá nhân bị đánh cắp để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản đối với nhiều bị hại trong cùng một khoảng thời gian, thậm chí trên phạm vi nhiều địa phương hoặc nhiều quốc gia, tài sản bị chiếm đoạt có thể được chuyển dịch rất nhanh qua nhiều tài khoản, nhiều nền tảng và nhiều quốc gia, gây khó khăn cho việc thu hồi. Tính chất phi biên giới, tốc độ lan truyền nhanh, khả năng ẩn danh và mức độ thiệt hại lớn làm cho hành vi phạm tội tại Điều 290 có tính nguy hiểm rất cao.

Bên cạnh đó, Điều 290 và Điều 174 BLHS năm 2015 đều quy định 4 khung hình phạt chính từ khoản 1 đến khoản 4 của điều luật. Trong đó, các hình phạt chính quy định từ khoản 1 đến khoản 3 của cả hai tội danh là giống nhau. Tuy nhiên, nếu khoản 4 Điều 174 BLHS năm 2015 quy định hình phạt chính là “phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân” thì khoản 4 Điều 290 BLHS năm 2015 chỉ quy định “phạt tù từ 12 năm đến 20 năm”, tức là Điều 174 BLHS năm 2015 quy định hình phạt chính “tù chung thân” nặng hơn hình phạt chính của tội phạm tại Điều 290 BLHS năm 2015. Tác giả cho rằng, khoản 4 Điều 290 BLHS năm 2015 chỉ quy định hình phạt tù cao nhất là 20 năm mà không quy định hình phạt tù chung thân như Điều 174 BLHS là chưa phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội được thực hiện. Điều này là vì trong mối tương quan với Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, với các hành vi, tính chất, mức độ nguy hiểm như nhau thì nếu Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản chỉ xâm phạm đến một quan hệ xã hội là quyền sở hữu tài sản thì tội phạm tại Điều 290 BLHS năm 2015, ngoài xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản còn xâm phạm đến khách thể là an toàn công cộng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông. Vì vậy, việc bổ sung hình phạt tù chung thân vào khung hình tại khoản 4 Điều 290 BLHS có thể được xem là giải pháp cần thiết nhằm xử lý các trường hợp phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, đồng thời bảo đảm sự tương thích với Điều 174 BLHS năm 2015.

Từ góc độ chính sách hình sự, hình phạt không chỉ có chức năng trừng trị mà còn có chức năng phòng ngừa chung và phòng ngừa riêng¹¹. Xu hướng lập pháp hiện nay của Việt Nam¹² và nhiều quốc gia trên thế giới là hạn chế mở rộng hình phạt tù chung

¹⁰ Ngọc Hà, “5 năm, người Việt mất gần 40 nghìn tỷ đồng vì lừa đảo trực tuyến”, truy cập tại <https://vov2.vov.vn/phap-luat/5-nam-nguoi-viet-mat-gan-40-nghin-ty-dong-vi-lua-dao-truc-tuyen-56632.vov2>, truy cập ngày 28/5/2026.

¹¹ Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam - Phần chung*, NXB Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, năm 2022, tr.262.

¹² Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

thân, tử hình, thay vào đó là chú trọng đến hiệu quả thu hồi tài sản, tịch thu khoản thu lợi bất chính, áp dụng hình phạt bổ sung, chế tài kinh tế và các biện pháp phòng ngừa tội phạm trong môi trường số. Đối với tội phạm công nghệ cao, nếu mức hình phạt cao nhất không đủ nghiêm khắc sẽ khó đáp ứng yêu cầu răn đe trong bối cảnh tội phạm có thể thu lợi bất chính rất lớn với chi phí phạm tội thấp và khả năng che giấu cao. Vì vậy, kiến nghị bổ sung hình phạt tù chung thân vào khoản 4 Điều 290 là có cơ sở về chính sách hình sự, tuy nhiên hình phạt này không áp dụng với mức thiệt hại từ 500 triệu đồng như Điều 174, mà chỉ áp dụng riêng cho các trường hợp phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, chẳng hạn như giá trị tài sản chiếm đoạt ở mức đặc biệt lớn (từ 50 tỷ đồng trở lên) hoặc hành vi phạm tội gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh tiền tệ quốc gia, hệ thống tài chính, ngân hàng.

5. Một số kiến nghị hoàn thiện Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trong quy định pháp luật hình sự Việt Nam

Thứ nhất, về đối tượng tác động của Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

Để đồng bộ với quy định Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025 về tài sản số, đồng thời nâng cao hiệu quả trong công tác đấu tranh, phòng chống hành vi sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, cần bổ sung quy định công nhận “tài sản số” là một loại tài sản tại Điều 105 BLDS năm 2015. Khi Điều 105 BLDS năm 2015 có quy định “tài sản số” là tài sản, phạm vi đối tượng tác động sẽ được mở rộng từ tài sản nói chung đến cả tài sản trong các hành vi sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông và phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, qua đó bảo đảm sự điều chỉnh tương ứng. Với kiến nghị này, khoản 1 Điều 105 BLDS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 105. Tài sản

1. Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá, quyền tài sản và tài sản số.

2. ...”.

Thứ hai, kiến nghị quy định bỏ Tội trộm cắp tài sản (Điều 173 BLHS) và Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174 BLHS) tại khoản 1 Điều 290 BLHS.

Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (Điều 290 BLHS năm 2015) bên cạnh xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản tương tự như Tội trộm cắp tài sản (Điều 173 BLHS) và Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174 BLHS) thì còn xâm phạm đến an toàn trong lĩnh vực

công nghệ thông tin, mạng viễn thông. Hiện nay, BLHS năm 2015 quy định Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trong Chương XXI (Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng), điều này có nghĩa là, nhà làm luật đánh giá, hành vi phạm tội của tội phạm này xâm phạm đến an toàn trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông, chứ không phải là quan hệ sở hữu tài sản. Đồng thời, để bảo đảm phù hợp với lý luận định tội danh trong trường hợp có sự cạnh tranh giữa quy phạm chung và quy phạm riêng cũng như để bảo đảm sự thống nhất trong việc áp dụng tội phạm tại Điều 290 và Điều 173, 174 BLHS, tác giả đề xuất khoản 1 Điều 290 BLHS cần xóa bỏ cụm từ “*nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 173 và Điều 174 của Bộ luật này*”. Với các kiến nghị trên, tác giả đề xuất khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015 cần được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 290. Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản

1. Người nào sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử thực hiện một trong những hành vi sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Sử dụng thông tin về tài khoản, thẻ ngân hàng của cơ quan, tổ chức, cá nhân để chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ;

b) ...”.

Thứ ba, kiến nghị quy định bổ sung hình phạt tù chung thân vào khoản 4 Điều 290 BLHS năm 2015.

Để bảo đảm sự tương xứng giữa tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội được thực hiện cũng như bảo đảm sự tương quan với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174 BLHS năm 2015), tác giả kiến nghị, khoản 4 Điều 290 BLHS năm 2015 cần quy định bổ sung hình phạt tù chung thân tương tự như trong quy định tại khoản 4 Điều 226b BLHS năm 1999 để đáp ứng tốt hơn yêu cầu đấu tranh phòng, chống đối với các tội phạm này.

Với kiến nghị này, khoản 4 Điều 290 BLHS năm 2015 cần được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 290. Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản

1. Người nào sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử thực hiện một trong những hành vi sau đây...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm **hoặc tù chung thân**:... ”.

6. Kết luận

Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là tội phạm có ý nghĩa đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số và phát triển kinh tế số ở Việt Nam. Điều 290 BLHS năm 2015 đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để xử lý các hành vi chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng. Tuy nhiên, sự phát triển nhanh của tài sản số, phương thức phạm tội công nghệ cao và thực tiễn áp dụng chưa thống nhất cho thấy điều luật này cần tiếp tục được hoàn thiện.

Việc bổ sung tài sản số vào Bộ luật Dân sự, sửa đổi kỹ thuật loại trừ Điều 173 và Điều 174 tại khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015, cũng như bổ sung hình phạt tù chung thân vào khoản 4 Điều 290 BLHS năm 2015 là các kiến nghị có cơ sở lý luận và thực tiễn. Những kiến nghị này không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm trên không gian mạng mà còn bảo đảm sự đồng bộ của hệ thống pháp luật, phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số quốc gia¹³ và kinh nghiệm lập pháp của nhiều quốc gia trên thế giới.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội, Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13, ngày 24/11/2015.
2. Quốc hội, Bộ luật Hình sự số 15/1999/QH10, ngày 21/12/1999 (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 37/2009/QH12 ngày 19/6/2009).
3. Quốc hội, Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, ngày 27/11/2015 (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017, Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan).
4. Quốc hội, Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14, ngày 12/6/2018.
5. Quốc hội, Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15, ngày 14/6/2025.
6. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, ngày 09/11/2022.
7. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, ngày 03/6/2020.

¹³ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

8. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2021), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam - Phần Các tội phạm (Quyển 2) (Tái bản lần thứ nhất, có sửa đổi, bổ sung)*, NXB Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam.

9. Võ Khánh Vinh (2018), *Giáo trình Lý luận chung về định tội danh (tái bản lần thứ hai)*, NXB Đại học Huế.

10. Anh Thơ, “*Tội phạm mạng gây thiệt hại gần 40.000 tỷ đồng giai đoạn 2020-2025*”, truy cập tại <https://baochinhphu.vn/toi-pham-mang-gay-thiet-hai-gan-40000-ty-dong-giai-doan-2020-2025-1022512-29175200352.htm>, truy cập ngày 22/3/2026.

11. Bản án số 05/2023/HS-PT ngày 10/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

12. Bản án số 108/2019/HS-PT ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng.

13. Ngọc Hà, “*5 năm, người Việt mất gần 40 nghìn tỷ đồng vì lừa đảo trực tuyến*”, <https://vov2.vov.vn/phap-luat/5-nam-nguoi-viet-mat-gan-40-nghin-ty-dong-vi-lua-dao-truc-tuyen-56632.vov2>, truy cập ngày 28/5/2026.

14. Council of Europe (2001), *Convention on Cybercrime (Budapest Convention)*.

15. United Nations (2024), *United Nations Convention against Cybercrime*.

16. UNODC (2024), *Cryptocurrency Investigations and Asset Recovery*.